

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 155/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 23/4/2024.

V/v “*Tranh chấp hôn nhân
và gia đình, ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ**

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Việt Quốc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thiện Hoàn;

Ông Phan Phước Tân.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 414/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2023 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 132/2024/QĐST-HNGĐ ngày 11/3/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1989; Địa chỉ: Cầu S, ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Phan Văn H, sinh năm: 1983; Địa chỉ: Tổ A, ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang.

(Bà T có mặt, ông H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/10/2023 cùng với các tài liệu, chứng cứ kèm theo và quá trình tố tụng tại Tòa án, bà Nguyễn Thị T trình bày: Hôn nhân của bà với ông Phan Văn H do tự tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới năm 2021 và đăng ký kết hôn ngày 14/6/2022 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện A, tỉnh An Giang. Thời gian đầu sống chung hạnh phúc đến tháng 4 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, ông không lo cho gia đình, bà T và gia đình bà T có khuyên ngăn nhưng không thành, bà và ông H không còn sống chung từ tháng

04 năm 2023 cho đến nay. Bà và ông H có làm tờ ly hôn viết tay do hai bên ký vào và có sự chứng kiến của mẹ ruột của bà (Trần Thị T1). Nay, bà yêu cầu ly hôn với ông H.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các thông báo thụ lý, hòa giải cũng như thông báo về việc tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông Phan Văn H theo quy định nhưng ông H vắng mặt, để đảm bảo quyền lợi của ông H, Tòa án có đến nhà của ông H để ghi nhận ý kiến nhưng không gặp nên không thể ghi nhận ý kiến của ông H.

Tại thông báo định danh cá nhân và thông tin công dân trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân sự, hiện ông Phan Văn H vẫn còn đăng ký thường trú tại xã P.

Tòa án xác minh về tình trạng mâu thuẫn giữa bà Nguyễn Thị T và ông Phan Văn H được bà Trần Thị T1 cho biết như sau: Nguyễn Thị T là con ruột của bà, ông Phan Văn H là chồng bà T. Bà T, ông H có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn cả hai lên Đồng Nai làm được khoảng 2 tháng thì H về nhà bà sinh sống, bà T làm thuê trên Đồng Nai, bà T làm không đủ sống. Ông H không làm để kiếm tiền để lo cho gia đình mà còn kêu bà T đưa tiền cho tiêu xài hằng ngày. Ông H nói hằng ngày đi làm nhưng không biết làm nghề gì, tiền bạc cũng không có. Bà T và ông H nhiều lần cãi nhau về tiền bạc. Hai bên đã làm tờ ly hôn viết tay do hai bên ký vào. Từ đó về sau không thấy ông H nữa, giữa T và H đã không còn chung sống với nhau khoảng 1 năm nay.

Tại phiên tòa, bà T vẫn bảo lưu ý kiến. Riêng ông H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt ông theo thủ tục chung.

Đại diện Viện Kiểm sát thực hành quyền kiểm tra, giám sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa phát biểu: Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi hòa giải, xác minh thu thập chứng cứ, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng... là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử, thư ký không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Phan Văn H. Đồng thời, ông H có nơi cư trú trên địa bàn huyện A. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông H được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ 2 tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T2 theo khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị T và ông Phan Văn H có đăng ký kết hôn theo quy định nên làm phát sinh giá trị pháp lý theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu của bà T ly hôn với ông H thì thấy: Trong đời sống hôn nhân thường phát sinh mâu thuẫn, thời gian không còn chung sống giữa bà T và ông H đã lâu, cuộc sống thường hay phát sinh nhiều mâu thuẫn nhưng cả hai không có giải pháp hàn gắn. Tại phiên tòa, bà T vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn với ông H, đến thời điểm hiện tại ông H cũng không có bất cứ văn bản gì trình bày về yêu cầu khởi kiện của bà T. Do đó yêu cầu ly hôn của bà T là có căn cứ được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Bà T xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Do bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết và không đề cập trong phần quyết định.

[6] Về án phí: Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 9, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Phan Văn H.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình. Khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu số 0009127 ngày 27/11/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú (bà T đã nộp đủ).

Ông H không phải chịu án phí.

Về quyền kháng cáo: Bà T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (23/4/2024). Thời hạn kháng cáo của ông H là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 (7a, 7b) và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

*** Nơi nhận: Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

- TAND tỉnh AG (1);
- VKS tỉnh AG (1);
- VKS huyện AP (2);
- THADS huyện AP (1);
- UBND xã Phú Hội (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu VP (1);
- Lưu HS (1).

Mai Việt Quốc